

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **181/2022/DS - PT**

Ngày: 15 – 9 - 2022

V/v: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
tài sản do người chết để lại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân và bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DSST ngày 21/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 158/2022/QĐ-PT ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị M

Địa chỉ: Tổ dân phố 2B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Duy B.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Mai Văn T.

Trú tại: 32 L, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Văn T: Ông Mai Kiên C (theo văn bản ủy quyền ngày 15/9/2022). Trú tại: Số 22 C, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Mai Văn T: Ông Tô

Tiến D - Thuộc Văn phòng luật sư L, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Số 55 M, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2.2. Ông Mai Đức T1.

Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2.3. Ông Mai Kiên C.

Trú tại: 30 L, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2.4. Ông Mai Ngọc V.

Trú tại: 132A, G, phường T, Tp B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2.5. Ông Mai Đức M1.

Trú tại: 36 L, phường T, Tp B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2.6. Bà Mai Thị Tuyết T2.

Địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Mai Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Duy B trình bày:*

Vào ngày 30/12/2019 bà Huỳnh Thị M đã cho chị gái là bà Huỳnh Thị Lệ N mượn số tiền 500.000.000 đồng.

Ngày 06/4/2020 bà Huỳnh Thị Lệ N chết. Sau khi bà N chết, bà M đã yêu cầu những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N là ông Mai Văn T (chồng bà N), Mai Đức T1, Mai Kiên C, Mai Ngọc V, Mai Đức M1, Mai Thị Tuyết T2 (các con bà N) trả nợ, nhưng những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N không trả.

Theo giấy mượn tiền đã xác lập giữa bà M và bà N thể hiện nội dung “H N gọi chị N số tiền là 500.000.000...”, “H N” ở đây là tên thường gọi của bà Huỳnh Thị M, theo sổ hộ khẩu thể hiện tên thường gọi của bà M là “Huỳnh Thị N”. Mặt khác, tại địa phương nơi cư trú của bà M cũng xác nhận tên thường gọi của bà M là “H N”. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Huỳnh Thị Lệ N trong giấy mượn tiền. Đối với chữ ký, chữ viết của người gửi là bà Huỳnh Thị M thì nguyên đơn không yêu cầu giám định và khẳng định đó là chữ ký, chữ viết do bà Huỳnh Thị M ký và viết ra.

Vì vậy, bà Huỳnh Thị M đề nghị Tòa án giải quyết buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N là ông Mai Văn T (chồng bà N), Mai Đức T1, Mai Kiên C, Mai Ngọc V, Mai Đức M1, Mai Thị Tuyết T2 (các con bà N) phải có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 500.000.000 đồng, bà M không yêu cầu tính lãi suất.

** Bị đơn ông Mai Văn T, người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Văn T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Mai Văn T trình bày:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bị đơn ông Mai Văn T không đồng ý vì:

Về chứng cứ là giấy mượn tiền không đủ cơ sở vì: Theo giấy mượn tiền thể hiện “H N gửi chị N...” như vậy, “H N” ở đây có phải là nguyên đơn bà Huỳnh Thị M hay không. Chữ ký, chữ viết của người gửi “Huỳnh Thị M” chưa được giám định xem đó có phải là của bà Huỳnh Thị M ký, viết ra hay không và chữ viết này được viết vào thời điểm nào. Đồng thời, trong giấy mượn tiền không có thời hạn trả nợ cụ thể.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu toàn bộ những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N phải có nghĩa vụ trả nợ là không đúng, vì sau khi bà N chết tài sản đã được để thừa kế lại cho ông Mai Ngọc V, nên chỉ người được hưởng thừa kế mới phải chịu trách nhiệm trả nợ. Tòa án chưa thu thập làm rõ tài sản còn lại có đủ để những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn hay không. Mặt khác, việc vay mượn giữa nguyên đơn và bà Huỳnh Thị Lệ N, bị đơn ông Mai Văn T không biết, khi bà N còn sống ông T cũng không nghe bà N nói về việc có vay mượn của bà M khoản tiền nào.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Mai Văn T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để làm rõ các vấn đề trên.

** Bị đơn ông Mai Kiên C trình bày:*

Tôi là con của bà Huỳnh Thị Lệ N và ông Mai Văn T. Mẹ tôi đã chết vào ngày 06/4/2020. Gia đình tôi có các thành viên: Bố tôi ông Mai Văn T, các con là: Mai Kiên C, Mai Đức T1, Mai Ngọc V, Mai Đức M1 và Mai Thị Tuyết T2. Ông bà ngoại của tôi là ông Huỳnh Sơn T đã chết năm 1974 và bà Nguyễn Thị M đã chết năm 2014.

Trước khi mẹ tôi chết, bố mẹ tôi là bà Huỳnh Thị Lệ N và ông Mai Văn T có các tài sản sau: Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 32, diện tích 6.416m² GCNQSD đất số M920529 do UBND huyện K cấp ngày 14/02/1998, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 06/3/2008, tại xã E, huyện K; Thửa đất số 22+7a, tờ bản đồ số 32, diện tích 6.781m² GCNQSD đất số M920529 do UBND huyện K cấp ngày 10/5/2004, tại xã E, huyện K; Thửa đất số 164, tờ bản đồ số 11, diện tích 7.182m² GCNQSD đất số D0406629 do UBND huyện K cấp ngày 03/01/1997; và 01 thửa đất hiện nay bố tôi là ông Mai Văn T đang ở diện tích khoảng gần 400m², tại 32 đường L, thị trấn P, huyện K, tôi không nhớ cụ thể thửa đất số bao nhiêu.

Sau khi mẹ tôi là bà Huỳnh Thị Lệ N chết thì gia đình tôi đã họp lại và thống nhất:

Đối với 02 thửa đất số 06, tờ bản đồ số 32, diện tích 6.416m² GCNQSD đất số M920529 do UBND huyện K cấp ngày 14/02/1998, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 06/3/2008, tại xã E, huyện K và thửa đất số 22+7a, tờ bản đồ số 32, diện tích 6.781m² GCNQSD đất số M920529 do UBND huyện K cấp ngày 10/5/2004, tại xã E, huyện K, để thừa kế lại cho Mai Ngọc V, hiện nay 02 thửa đất này ông V đã chuyển nhượng cho người khác để xử lý khoản vay tại Ngân hàng do bà N và

ông T đã vay trước đó.

Đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 11, diện tích 7.182m² GCNQSD đất số D0406629 do UBND huyện K cấp ngày 03/01/1997 và 01 thửa đất hiện nay bố tôi là ông Mai Văn T đang ở diện tích khoảng gần 400m², tại 32 L, thị trấn P, huyện K, thì sau khi mẹ tôi chết gia đình tôi đã chuyển nhượng để xử lý khoản vay tại Ngân hàng TMCP A do bà N và ông T đã vay trước đó.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M, thì ý kiến của tôi như sau: Tôi không đồng ý, vì tôi không biết việc vay mượn giữa mẹ tôi và bà M, do tôi đã có gia đình và sinh sống riêng, khi mẹ tôi còn sống tôi cũng không nghe mẹ tôi nói về việc có vay mượn của bà M khoản tiền nào.

** Bị đơn ông Mai Đức T1, ông Mai Ngọc V, ông Mai Đức M1, bà Mai Thị Tuyết T2 trình bày:*

Ông T1, ông V, ông M1, bà T2 là con của bà Huỳnh Thị Lệ N. Việc vay tiền giữa bà M và bà N ông T1, ông V, ông M1, bà T2 không biết. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M thì ông T1, ông V, ông M1, bà T2 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DSST ngày 21/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 615, Điều 651 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị M.

Buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Huỳnh Thị Lệ N gồm: Ông Mai Văn T (chồng), ông Mai Đức T1, ông Mai Kiên C, ông Mai Ngọc V, ông Mai Đức M1, bà Mai Thị Tuyết T2 (các con) trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), trong phạm vi di sản do bà Huỳnh Thị Lệ N chết để lại.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và chi phí giám định, về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/6/2022, ông Mai Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Mai Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Qua xem xét, phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tranh luận của các đương sự, bản án sơ thẩm chưa xác định đầy đủ giá trị

di sản của bà N sau khi chết để lại ai là người được hưởng, giá trị bao nhiêu để buộc người đó phải có nghĩa vụ trả khoản vay cho bà M, mà lại buộc tất cả hàng thừa kế thứ nhất phải có nghĩa vụ trả khoản vay cho bà M là chưa phù hợp, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ, giải quyết không triệt để vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai Văn T, Hủy bản án sơ thẩm số 39/2022/DSST ngày 21/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc và giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định, nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên cần được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Ông Mai Văn T kháng cáo cho rằng chứng cứ nguyên đơn khởi kiện là giấy gửi tiền ngày 30/12/2019 âm lịch không rõ chủ thể giao kết là ai, tại dòng đầu giấy vay ghi “H gửi N số tiền 500.000.000 đồng, dòng cuối của giấy vay tiền ghi người gửi là Huỳnh Thị M”. Bà N chỉ có một phần trong tài sản chung, phần di sản bà N để lại không đủ để chi cho các khoản mai táng, trả nợ... nên bà N không còn tài sản để trả nợ, bản án sơ thẩm buộc hàng thừa kế thứ nhất có nghĩa vụ trả nợ cho bà M là không đúng.

Xét kháng cáo của ông T thì thấy, theo giấy mượn tiền đã xác lập giữa bà M và bà N thể hiện nội dung “H N gửi chị Nh số tiền là 500.000.000...”. Theo sổ hộ khẩu gia đình số AT 1279 tên chủ hộ Nguyễn Văn T thể hiện bà Huỳnh Thị M quan hệ với chủ hộ là vợ, tên thường gọi của bà M là “Huỳnh Thị N”. Mặt khác, tại địa phương nơi cư trú của bà M đã xác nhận tên thường gọi của bà M là “N”, “H” là tên thường gọi của chồng bà M là ông Nguyễn Văn T nên ở địa phương thường gọi bà M là “H N”. Do đó, xác định “H N” là tên thường gọi của bà Huỳnh Thị M. Quá trình giải quyết vụ án, đối với chữ ký, chữ viết của người gửi là bà Huỳnh Thị M thì nguyên đơn không yêu cầu giám định và xác định đó là chữ ký, chữ viết do bà Huỳnh Thị M ký và viết ra.

Qua Kết luận giám định số 177/KLGD-PC09 ngày 05/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã xác định được chữ ký, chữ viết trong giấy nợ tiền là của bà Huỳnh Thị Lệ N ký và viết ra. Do đó, bà Huỳnh Thị Lệ N còn nợ nguyên đơn bà Huỳnh Thị M số tiền 500.000.000 đồng là có căn cứ.

Bà Huỳnh Thị N chết không để lại di chúc và di sản của bà N chưa chia thừa kế, theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định những người thừa kế của bà N gồm ông Mai Văn T, Mai Đức T1, Mai Kiên C, Mai Ngọc V, Mai Đức M1, Mai Thị Tuyết T2 cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà Huỳnh Thị M

trong phạm vi di sản do bà N chết để lại là phù hợp với Điều 615, Điều 651 Bộ luật dân sự.

Từ các phân tích trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Mai Văn T mà cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DSST ngày 21/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Điều 615, Điều 651 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2] *Tuyên xử*: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị M.

Buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Huỳnh Thị Lệ N gồm: Ông Mai Văn T (chồng), ông Mai Đức T1, ông Mai Kiên C, ông Mai Ngọc V, ông Mai Đức M1, bà Mai Thị Tuyết T2 (các con) trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), trong phạm vi di sản do bà Huỳnh Thị Lệ N chết để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mai Văn T được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND h. Krông Pắc;
- CCTHADS h. K;
- Các đương sự;
-
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung